

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2024
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Dự.

2. Bà: Mã Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T, sinh năm 1989; Có mặt;

- Bị đơn: Anh Hứa Văn H, sinh năm 1986; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Trùng Khánh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thu Phương – Giám đốc. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Nông Thị T trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Hứa Văn H vào ngày 06/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, dần dần anh H nhiều lần say rượu, đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà khiến chị T không thể tiếp tục chung sống với anh H mà bỏ về nhà ngoại nên đã ly thân từ năm 2020 tới nay. Năm 2021 trong thời gian ly thân chị có làm đơn lên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh để giải quyết việc ly hôn với anh H, tuy nhiên bị Tòa án bác đơn. Từ đó hơn hai năm nay tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay, chị T xác định đã không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Văn H. Về con chung, có hai con chung là cháu Hứa Thị T, sinh ngày 18/8/2011 và cháu Hứa Văn K, sinh ngày 10/10/2012. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh H. Chị T đề nghị sau khi ly hôn, hai cháu sẽ tiếp tục để anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T sẽ cấp dưỡng cho các con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 16/5/2024 và các lời khai tiếp theo anh Hứa Văn H trình bày: Anh xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, tình cảm, con cái, tài sản chung như chị T trình bày là đúng. Từ khi chị T đi làm công nhân đã không về nhà chăm sóc con cái và cũng không gửi tiền về giúp anh nuôi con nên anh nhất trí ly hôn với chị Nông Thị T. Về con chung, anh cũng nhất trí sẽ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.500.000đ mỗi tháng đối với cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh yêu cầu chị T phải trả cho anh 30.000.000đ tiền đưa vợ đi phẫu thuật mổ đẻ cho các con và 15.000.000đ tiền vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Chị T phải trả đủ cho anh số tiền 45.000.000đ này tại phiên hòa giải 16/5/2024.

Tại biên bản xác minh ngày 21/5/2024 với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trùng Khánh, đại diện phòng giao dịch cho biết anh Hứa Văn H và chị Nông Thị T có khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trùng Khánh với số tiền là 30.000.000đ từ ngày 15/10/2021. Tính tới ngày 21/5/2024 nợ gốc vẫn còn là 30.000.000đ. Nếu ly hôn đề nghị anh H, chị T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo cam kết trong hợp đồng và phân định rõ ràng nghĩa vụ trả nợ của từng người sau khi ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H. Sau khi ly hôn, anh H sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và chị sẽ cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của anh H là 1.250.000đ/tháng/1 con. Về số tiền mổ đẻ 30.000.000đ mà anh H yêu cầu, chị không nhất trí. Đối với khoản nợ ngân hàng chị nhất trí mỗi người trả một nửa là 15.000.000đ cùng lãi suất phát sinh trên số tiền phải trả. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung, anh H yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con và đề nghị chị T cấp dưỡng cho hai con với mức 1.250.000đ/tháng/1 con. Anh giữ nguyên yêu cầu chị T phải trả cho anh 45.000.000đ tiền vay vốn và tiền phẫu thuật cho các con ngay tại phiên tòa. Về tài sản chung xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, 57, 82, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Hứa Văn H.

- Về con chung: Giao 02 con chung cho anh H chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.250.000đ/1 con đến khi hai con trưởng thành.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét;

- Về nợ chung: Buộc chị T, anh H mỗi người có trách nhiệm thanh toán 15.000.000đ cùng lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí không giá ngạch và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra chị T và anh H mỗi người còn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho ngân hàng là 750.000đ để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Bị đơn Hứa Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Xóm H, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ yêu cầu khởi kiện Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng*: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Trùng Khánh có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị T và anh Hứa Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc

đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị T và anh H là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó theo chị T thì anh H nhiều lần uống rượu say, mỗi lần say rượu lại chửi mắng, đánh đập chị, vút quần áo và đuổi chị ra khỏi nhà. Vì vậy năm 2021 chị T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh nhưng bị tuyên xử bác yêu cầu ly hôn theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2022/HNGĐ-ST ngày 10/6/2022 để anh H và chị T thêm cơ hội hàn gắn tình cảm. Thế nhưng sau đó, anh H không có hành động cứu vãn hôn nhân, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, tiếp tục có những thái độ tiêu cực với chị T khiến mâu thuẫn hôn nhân càng thêm trầm trọng. Từ khi ly thân vào cuối năm 2020, anh chị cũng không thể quay lại chung sống với nhau. Theo các lời khai tại Tòa án, anh H cũng xác nhận không thể tiếp tục chung sống và nhất trí ly hôn với chị T. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Giữa chị T và anh H có 02 con là Hứa Thị T, sinh ngày 18/8/2011 và Hứa Văn K, sinh ngày 10/10/2012, hiện nay các cháu đang sống cùng anh H. Tại buổi hòa giải ngày 16/5/2024 cũng như phiên tòa hôm nay, đương sự cùng thỏa thuận để anh H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho cả hai cháu. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2024 đối với cháu T và cháu K, hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố vì đã sống cùng bố từ nhỏ. Xét thấy, các cháu cũng đã sống cùng bố từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của các cháu. Vì vậy, cần giao hai cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh H yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho hai con với mức 2.500.000đ/tháng (mỗi con 1.250.000đ/tháng). Hội đồng xét xử nhận thấy là phù hợp và chị T cũng nhất trí. Mức cấp dưỡng này tuy chưa phản ánh đầy đủ các chi phí, phí tổn trong quá trình nuôi con nhưng phần nào, pháp luật ghi nhận chia sẻ gánh nặng về tài chính trong quá trình nuôi con. Do đó buộc chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.250.000đ/1 con, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2024.

[5]. *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Xét thấy, khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đứng tên anh Hứa Văn H vào ngày 15/10/2021 khi hai anh chị còn trong thời kì hôn nhân và kèm theo sổ vay vốn có giấy ủy quyền của chị T vào ngày 13/9/2021, do đó, khoản vay này được Hội đồng xét xử xác định là nợ chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nên cả hai phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc là 15.000.000đ cùng lãi suất phát sinh trên số tiền phải trả

cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Trùng Khánh. Anh H đề nghị số tiền 15.000.000đ của chị T trả trực tiếp cho anh, sau đó anh sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc 30.000.000đ cùng lãi suất phát sinh cho Ngân hàng. Tuy nhiên đề nghị này không có căn cứ để chấp nhận vì anh H không có tài liệu chứng minh sẽ trả đầy đủ phần của chị T cho Ngân hàng. Do đó mỗi người tự có trách nhiệm trả đủ phần của mình theo quyết định của Hội đồng xét xử sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] *Về các yêu cầu khác*: Anh Hứa Văn H yêu cầu chị Nông Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho anh 30.000.000đ tiền phẫu thuật mổ đẻ cho hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là yêu cầu không có căn cứ, trái với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8]. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, các đương sự còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Khoản 1 Điều 56, 57, 82, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Hứa Văn H.
2. *Về con chung*: Giao cháu Hứa Thị T, sinh ngày 18/8/2011 và cháu Hứa Văn K, sinh ngày 10/10/2012 cho anh Hứa Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.250.000đ/1 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi (Hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2024.

Sau khi ly hôn, Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

3. *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Buộc chị T, anh H mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ gốc 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh hàng tháng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về án phí:* Chị Nông Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung để sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra chị T, anh H mỗi người còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 750.000đ sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu nộp án phí, lệ phí Tòa án số 0002668 ngày 23/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

6. *Về quyền kháng cáo:* Chị T, anh H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trùng Khánh có quyền kháng cáo Bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nông Văn Tùng